TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1445/2026/DS-PT
Ngày: 13 - 10 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy.

Ông Phạm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tô Hoàng Ơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1474/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 163/2026/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1706/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số D P, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng H**. *(Có mặt)*

Căn cước công dân số: 086095004254. Ngày cấp: 08/9/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ liên hệ: Số G C, phường B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Phan Thanh L**, sinh năm 1984. *(Vắng mặt)*

Căn cước số: 092184012202. Ngày cấp: 06/9/2024. Nơi cấp: Bộ C1.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1980.

Căn cước công dân số: 031080004868. Ngày cấp: 18/5/2023. Nơi cấp: Cục

Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà **Nguyễn Như T**, sinh năm 1980.

Căn cước công dân số: 096180000050. Ngày cấp: 18/5/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T: Bà Nguyễn Thị Tuyết N. Sinh năm: 1986. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số H, X, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 20/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K (có đại diện là ông Nguyễn Hoàng H) trình bày: Ngày 01/08/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần K *(sau đây viết tắt là Ngân hàng K)* cùng ông Trần Văn C ký kết Hợp đồng dịch vụ số 542/HĐDV-2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với nội dung:

"...Cộng tác viên thực hiện cung ứng dịch vụ cho K1 như sau:

a. Giới thiệu và tư vấn các sản phẩm cho vay theo quy định của K1 trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại K1.

b. Giới thiệu khách hàng và hỗ trợ thẩm định tín dụng và có nhu cầu vay vốn cho K1 và các Đơn vị trực thuộc…".

Phí dịch vụ cho hợp đồng này là: Theo quy định K1. Ngoài hợp đồng dịch vụ vừa nêu, ông Trần Văn C còn giao kết với Ngân hàng 01 hợp đồng khác với nội dung: Ông C đại diện Ngân hàng trong việc nhận tiền trả góp trực tiếp từ người vay (do ông C đã thẩm định và đề xuất Ngân hàng cho vay) và nộp lại tiền cho Ngân hàng vào cuối mỗi buổi chiều làm việc; ông C được hưởng hoa hồng bằng 60% của tổng số lãi thu được từ người trả góp trong ngày. Đồng thời, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T còn cam kết dùng tài sản chung của 02 người để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng do Trần Văn C thẩm định và đề xuất cho vay. Trong đó, nghĩa vụ được bảo đảm gồm có:

"- Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, tiền phạt và các khoản phí khác theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với Bên vay mà Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng;

- Nghĩa vụ thanh toán, nộp cho Ngân hàng các khoản tiền mà Trần Văn C thu được từ Bên vay nhưng không thanh toán, nộp cho Ngân hàng.

- Các trường hợp khác mà ông Trần Văn C không nộp tiền đúng hạn cho K1 – P hoặc theo các nội dung cam kết của ông Trần Văn C phát sinh trước hoặc sau ngày giao kết hợp đồng".

Nội dung và phạm vi bảo đảm nêu trên được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020 đã được ký kết giữa đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng G với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T; được Văn phòng C2 công chứng ngày 14/9/2020. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 21, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 377445; Số vào sổ: CH10476 do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 20/05/2014 *(Cập nhật chỉnh lý các ngày 10/6/2014, 20/4/2015, 18/4/2017 và 15/3/2018)*. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 15/9/2020. Thực hiện các nội dung thỏa thuận nêu trên: Trần Văn C giới thiệu và thẩm định thủ tục xin cấp tín dụng của bà Phan Thanh L, Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng G đồng ý cho bà L vay tín chấp số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Việc vay vốn của bà L được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019 cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)*; Mục đích vay: Buôn bán – Nhỏ lẻ; Thời hạn vay: 180 ngày (kỳ); Lãi suất vay: 16%/năm (Tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 16%/năm); Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả (tức là 24%/năm). Bảo đảm cho khoản vay trên, bà L cầm cố cho Ngân hàng K 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-336.12 theo giấy đăng ký xe mô tô số 073008, cấp ngày 18/10/2017 do bà Phan Thanh L là chủ sở hữu. Cùng ngày 13/12/2019, Ngân hàng K – Phòng G gửi xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-336.12 cho bà Phan Thanh L giữ hộ cho Ngân hàng cho đến nay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng được 81 ngày (kỳ) tương ứng với số tiền 48.549.375 đồng. Tính đến ngày 20/8/2025, bà L còn phải thanh toán Ngân hàng K tổng số tiền 129.609.900 đồng, trong đó: Nợ gốc: 55.001.260 đồng; lãi trong hạn: 4.339.726 đồng; lãi quá hạn: 70.268.914 đồng. Căn cứ Điều 91, 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 317, 318, 319, 324 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, 8, 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xem xét, giải quyết:

1. Buộc bà Phan Thanh L thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2025 là: 129.609.900 đồng *(Một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm lẻ*

chín ngàn, chín trăm đồng). Trong đó, gốc là: 55.001.260 đồng; tiền lãi trong hạn là: 4.339.726 đồng, lãi quá hạn là: 70.268.914 đồng và tiền lãi phạt phát sinh kể từ ngày 21/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Nếu bà L không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng K được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-336.12 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-336.12 không còn hoặc còn nhưng giá trị còn lại không đủ để thanh toán nợ đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019 thì buộc ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020; Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/5/2014 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- Tại Bản tự khai ngày 29/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thanh L trình bày: Vào ngày 16/12/2019, bà có thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 65E1-366.12 để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (B), số tiền vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 12 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* chia thành 12 lần thanh toán. Hàng tháng, bà có đóng tiền cho ông Trần Văn C (là nhân viên làm hồ sơ vay cho bà). Sau khi ký hợp đồng vài ngày sau Ngân hàng K đã giải ngân cho bà xong, hàng tháng, đến ngày 19 ông C đến thu tiền của bà, sau 12 tháng bà đã thanh toán đủ khoản vay và chuộc lại giấy đăng ký xe, bà trực tiếp nhận lại giấy đăng ký xe tại trụ sở Ngân hàng K - Phòng G. Do tin tưởng và cũng do không hiểu biết nên bà đã không làm biên bản thanh lý hợp đồng, cứ nghĩ Ngân hàng trả lại giấy đăng ký xe cho bà là xong nghĩa vụ. Sau đó, bà đã bán lại chiếc xe biển số 65E1-366.12 cho ông Phan Văn T1 (sinh năm 1960, cư ngụ khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ), việc mua bán hoàn tất và bà đã sang tên giấy đăng ký xe cho ông T1. Năm 2024, bà tiếp tục thế chấp giấy đăng ký xe (tài sản khác của bà) để vay tiền tại Ngân hàng K - Phòng G1, số tiền vay 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)* do ông Nguyễn Hoàng T2 làm hồ sơ vay. Sau 06 tháng bà hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản vay và nhận lại giấy đăng ký xe. Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu bà trả khoản vay từ năm 2019 thì bà không đồng ý. Bởi vì bà đã thanh toán nợ xong, đã nhận lại giấy đăng ký xe và

tiếp tục vay khoản vay khác tại Ngân hàng K. Trong thời gian qua, Ngân hàng K không có liên hệ làm việc, nhắc nợ và cũng không cử người trực tiếp đến thu nợ của bà. Hiện nay bà đã không còn nợ, không liên quan gì đến Ngân hàng K nên bà yêu cầu được vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại Bản tự khai ngày 12/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày: Ông thống nhất ý kiến với trình bày của bà Phan Thanh L. Vào ngày 10/3/2012, ông ký hợp đồng làm Cộng tác viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần K, ông giới thiệu khách hàng vay cho Ngân hàng K, trong số đó, ông có giới thiệu cho bà L vay tiền tại Ngân hàng K. Hàng tháng, ông thu tiền của khách hàng rồi nộp tiền mặt cho Ngân hàng K hoặc Ngân hàng sẽ trừ tiền trong tài khoản của ông để thu nợ của các khách hàng mà ông giới thiệu. Đối với khoản vay của bà L, ông đã thu và nộp đầy đủ cho Ngân hàng K để tất toán khoản vay của bà L tại Ngân hàng K (khoản vay do ông giới thiệu), sau đó Ngân hàng K cũng đã trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà L. Ông và bà Nguyễn Như T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/5/2014. Ông và bà T ký hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng K, không phải để bảo lãnh khoản vay của khách hàng. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng K về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Tại Đơn xin vắng mặt ngày 24/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Như T trình bày: Do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, xét xử vụ án này. Do đó, bà làm đơn này kính mong Tòa án xem xét giải quyết cho bà được vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án. Bà đồng ý với mọi ý kiến và quyết định của ông Trần Văn C trong vụ án này.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số 163/2026/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K (có đại diện là ông Nguyễn Hoàng H) đối với bị đơn bà Phan Thanh L về việc:

- Buộc bà Phan Thanh L thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ gốc và lãi là 138.434.211 đồng *(Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười một đồng)* và tiền lãi phát sinh kể từ ngày

22/4/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-366.12 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009712, cấp ngày 04/6/2018 do bà Phan Thanh L đứng tên. Đồng thời, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/5/2014 nếu tài sản cầm cố không đủ để thanh toán nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T yêu cầu bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phía bị đơn không

đồng ý. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"* là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K kháng cáo yêu cầu buộc bà Phan Thanh L thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi là 138.434.211 đồng *(Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười một đồng)* và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/4/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp bà L không trả số tiền trên thì yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô mang biển kiểm soát 65E1-366.12 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009712, cấp ngày 04/6/2018 do bà Phan Thanh L đứng tên. Đồng thời, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/5/2014 nếu tài sản cầm cố không đủ để thanh toán nợ. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bị đơn bà L vay vốn tại Ngân hàng TMCP K với số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A947130+33/HĐTD-CC ngày 16/12/2019, tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 65E1-366.12, theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009712, cấp ngày 04/6/2018 do bà Phan Thanh L đứng tên. Trước đó, Ngân hàng TMCP K đã ký Hợp đồng dịch vụ số 542/HĐDV-2019 với ông Trần Văn C, giao nhiệm vụ giới thiệu khách hàng, hỗ trợ thẩm định và thu tiền trả góp từ người vay để nộp lại Ngân hàng. Bà L là khách hàng do ông C giới thiệu để vay vốn tại Ngân hàng và ông C là người thu tiền trả góp từ bà L để nộp về cho Ngân hàng. Bà L trình bày đã thanh toán tiền cho ông C theo thỏa thuận giữa các bên. Phía ông C xác nhận bà L đã thanh toán xong khoản vay trên cho Ngân hàng TMCP K và Ngân hàng đã trả lại giấy tờ xe cho bà L. Như vậy, Ngân hàng TMCP K không còn giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, trong khi bà L đã nhận lại giấy đăng ký xe và bán xe cho người khác. Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng TMCP K xác định khách hàng chỉ được nhận lại tài sản cầm cố sau khi tất toán khoản vay và bà L không thuộc trường hợp ngoại lệ. Đối chiếu Điều 315 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho thấy, việc cầm cố chấm dứt khi nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt hoặc thuộc các trường hợp luật định. Do đó, việc bà L nhận lại giấy đăng ký xe, phù hợp với lời khai của ông C, là căn cứ để xem xét xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K đã được bà L thực hiện xong.

[3.2] Mặt khác, Ngân hàng TMCP K cho rằng bà L còn nợ đối với ngân hàng đối với khoản vay từ tháng 12 năm 2019. Thấy rằng, mặc dù cho rằng bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 08/3/2020 nhưng đến năm 2025 Ngân hàng TMCP K mới khởi kiện. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP K vẫn không cung cấp thông tin nợ xấu để làm rõ tình trạng khoản vay. Trong khi đó, vào năm 2024, Ngân hàng tiếp tục cho bà L vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và bà L đã tất toán xong khoản vay mới này, có xác nhận của Ngân hàng. Ngân hàng cho rằng, do bà L vay khoản vay sau tại chi nhánh khác của Ngân hàng TMCP K nên Ngân hàng TMCP K không biết mới thực hiện thủ tục cho bà L vay. Lời trình bày này không có cơ sở thuyết phục. Như vậy, việc tiếp tục giải ngân khoản vay mới nếu khách hàng chưa trả xong khoản vay cũ tại Ngân hàng là không phù hợp với quy trình hoạt động của ngân hàng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chưa có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L thanh toán 138.434.211 đồng tiền gốc và lãi. Do đó, yêu cầu phát mãi xe mô tô biển số 65E1-366.12 và xử lý quyền sử dụng đất thế chấp của ông C, bà T cũng không có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

2 Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 163/2026/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

3 Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012090 ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Tuyết Mai